UBND HUYỆN CẨM XUYÊN
TRUNG TÂM GDNN – GDTX CẨM XUYÊN

ĐỀ THI KSCL LẦN 2 NĂM HỌC 2022- 2023
MÔN ĐỊA LÍ – KHỐI 12
(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian giao đề)
(Mã đề thi: 415)

Họ, tên thí sinh: .....
Số báo danh:.....

Câu 41: Biện pháp đảm bảo vai trò của rừng đối với việc bảo vệ môi trường nước ta là
A. ban hành Sách đỏ. **B**. nâng độ che phủ. **C**. đa dạng cây trồng. **D**. cải tạo đất hoang.

Câu 42: Ở đồng bằng nước ta, chống bão phải luôn kết hợp với chống
A. xâm nhập mặn. **B**. xói mòn đất. **C**. sạt lở núi. **D**. suy thoái rừng.

Câu 43: Giải pháp để nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm công nghiệp nước ta là
A. đổi mới công nghệ. **B**. tăng cường khai thác. **C**. mở rộng sản xuất. **D**. đẩy mạnh xuất khẩu.

Câu 44: Ngành công nghiệp chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa thường phân bố ở những nơi có lợi thế về:
A. nguồn nguyên liệu và lao động. B. nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.
C. thị trường tiêu thụ và nguồn vốn lớn. D. vị trí thuận lợi và có vốn đầu tư lớn.

Câu 45: Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến nên có
A. góc nhập xạ lớn, hoạt động của gió mùa. **B.** nền nhiệt độ cao, mưa nhiều quanh năm.
C. góc nhập xạ lớn, hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh. **D.** góc nhập xạ lớn, có hai mùa rõ rệt.

Câu 46: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây vừa giáp Trung Quốc vừa giáp Lào?
A. Lai Châu. **B**. Sơn La. **C**. Điện Biên. **D**. Lào Cai.

Câu 47: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ nào sau đây thuộc lưu vực hệ thống sông Thái Bình?
A. Hồ Ba Bể. **B**. Hồ Cấm Sơn. **C**. Hồ Hòa Bình. **D**. Hồ Thác Bà.

Câu 48: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trong các địa điểm sau đây, địa điểm nào có nhiệt độ trung bình tháng VII thấp nhất?
A. Hà Nội. **B**. A Pa Chải. **C**. Hà Tiên. **D**. Huế.

Câu49: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đèo nào sau đây nằm trên dãy Hoành Sơn?
A. Đèo Ngang. **B**. Đèo Keo Nưa. **C**. Đèo Mụ Giạ. **D**. Đèo Hải Vân.

Câu 50: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây là đô thị loại 1?
A. Cần Thơ. **B**. Biên Hòa. **C**. Nha Trang. **D**. Bảo Lộc.

Câu 51: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ?
A. Chu Lai. **B**. Dung Quất. **C**. Nhơn Hội. **D**. Hòn La.

Câu 52: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết bò được nuôi nhiều nhất ở tỉnh nào trong các tỉnh sau đây?
A. Bình Định. **B**. Bình Phước. **C**. Đồng Tháp. **D**. Quảng Trị.

Câu 53: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh nhỏ nhất?
A. Kon Tum. **B**. Bình Dương. **C**. Tuyên Quang. **D**. Lâm Đồng.

Câu 54: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây có công suất trên 1000MW?

LIVEWORKSHEETS

A. Yaly. **B**. A Vương. **C**. Hòa Bình. **D**. Nậm Mu.

Câu 55: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 9 nối Đông Hà với địa điểm nào sau đây?

A. Đồng Hới. **B**. Lao Bảo. **C**. Huế. **D**. Cha Lo.

Câu 56: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết tỉnh nào sau đây *không* có đường biên giới trên đất liền với Trung Quốc?

A. Lào Cai. B. Cao Bằng. C. Hà Giang. D. Tuyên Quang.

Câu 57: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Lai Châu. **B**. Hà Giang. **C**. Cao Bằng. **D**. Quảng Ninh.

Câu 58: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết điểm khai thác thiếc Quỳ Hợp thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Quảng Bình. **B**. Hà Tĩnh. **C**. Nghệ An. **D**. Thanh Hóa.

Câu 59: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Phan Thiết thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Phú Yên. **B**. Bình Định. **C**. Bình Thuận. **D**. Ninh Thuận.

Câu 60: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết vùng Đồng bằng sông Cửu Long có khoáng sản nào sau đây?

A. Đá axit. **B**. Sắt. **C**. Crôm. **D**. Niken.

Câu 61: Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Năm	**2010**	**2015**	**2017**	**2019**
Xuất khẩu	184	182	205	219
Nhập khẩu	169	179	195	230

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo bảng số liệu, cho biết năm nào sau đây In-đô-nê-xi-a nhập siêu?

A. 2010. **B**. 2015. **C**. 2017. **D**. 2019.

Câu 62: Cho biểu đồ:

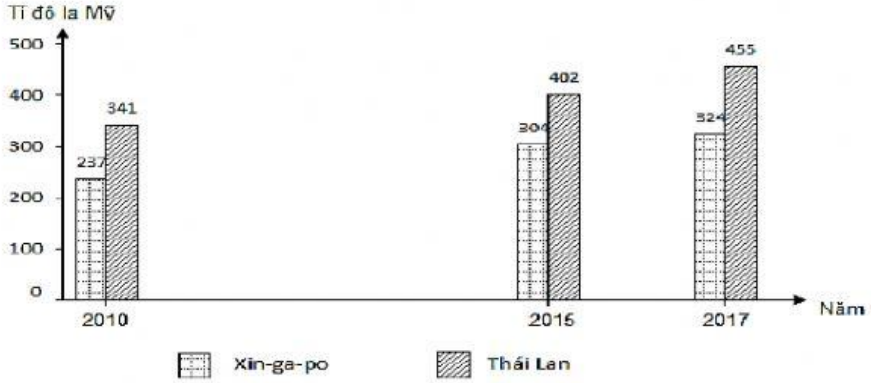

GDP CỦA XIN-GA-PO VÀ THÁI LAN GIAI ĐOẠN 2010-2017

(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống Kê 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **không** đúng khi so sánh sự thay đổi GDP của Xin-ga-po và Thái Lan?

A. Xin –ga-po tăng nhanh hơn Thái Lan. **B**. Thái Lan tăng nhiều hơn Xin-ga-po.

C. Thái Lan tăng gấp ba lần Xin-ga-po. **D**. Thái Lan tăng chậm hơn Xi-ga-po.

LIVEWORKSHEETS

Câu 63: Vị trí địa lí của nước ta

A. nằm trên vành đai sinh khoáng. **B**. ở trong vùng có nhiều thiên tai.

C. ở trung tâm Đông Nam Á. **D**. gắn liền với lục địa Á-Phi.

Câu 64: Dân số nông thôn nước ta hiện nay

A. quy mô lớn hơn thành thị. **B**. tỉ trọng thấp hơn thành thị.

C. tỉ trọng tăng qua các năm. **D**. phân bố đều giữa các vùng.

Câu 65: Các đô thị nước ta hiện nay

A. có tỷ lệ thị dân không thay đổi. **B**. cơ sở hạ tầng rất hiện đại.

C. có số dân đang tăng lên. **D**.có thị trường tiêu thụ hạn chế.

Câu 66: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở khu vực I nước ta hiện nay là

A. giảm nông nghiệp, tăng thủy sản. **B.** tăng trồng trọt, giảm chăn nuôi.

C. tăng cây ăn quả, giảm thủy sản. **D.** tăng chăn nuôi, giảm thủy sản.

Câu 67: Sản xuất lúa của nước ta hiện nay:

A. có diện tích tăng liên tục. **B.** có cơ cấu mùa vụ ổn định.

C. sử dụng nhiều loại giống mới. **D.** phát triển đồng đều ở các vùng.

Câu 68: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành thủy sản nước ta?

A. Phương tiện đánh bắt hiện đại. **B**. Nghề nuôi tôm, cá phát triển mạnh.

C. Hoạt động chế biến còn hạn chế **D**. Môi trường ven biển bị suy thoái.

Câu 69: Ngành vận tải đường ô tô nước ta hiện nay

A. có mật độ dày đặc ở miền núi. **B**. chịu nhiều ảnh hưởng thiên tai.

C. có khối lượng vận chuyển thấp. **D**. chỉ để vận chuyển hành khách.

Câu 70: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về tài nguyên thiên nhiên vùng biển nước ta?

A. Dọc bờ biển nhiều nơi sản xuất muối. **B**. Nguồn lợi sinh vật biển kém đa dạng.

C. Vùng thềm lục địa có tích tụ dầu, khí. **D**. Bờ biển miền Trung có ôxit titan, cát.

Câu 71: Hoạt động nội thương nước ta diễn ra không đều giữa các vùng lãnh thổ chủ yếu do

A. quy mô dân số, mức sống và thu nhập. **B.** nhu cầu, mức sống và chính sách mới.

C. nhu cầu tiêu dùng và lực lượng lao động. **D.** trình độ phát triển kinh tế và thu nhập.

Câu 72: Cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay

A. mang lại giá trị xuất khẩu lớn. **B.** có tỷ trọng ngày càng giảm nhanh.

C. được trồng nhiều ở các đồng bằng. **D.** chủ yếu có nguồn gốc cận nhiệt.

Câu 73: Công nghiệp nước ta hiện nay

A. tập trung xuất khẩu. **B.** chỉ có khai khoáng. **C.** đạt trình độ hiện đại. **D.**có cơ cấu thay đổi.

Câu 74: Lãnh thổ toàn vẹn của nước ta bao gồm

A.vùng biển, vùng trời và quần đảo. **B.**đất liền, vùng biển và các hải đảo.

C.vùng đất, vùng biển và vùng trời. **D.**phần đất liền, hải đảo và vùng trời.

Câu 75: Sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay theo xu hướng

A.tăng công nghiệp, giảm nông nghiệp. **B.**giảm chế biến, tăng việc khai khoáng.

C.tăng ngành dịch vụ, giảm công nghiệp. **D.**giảm chăn nuôi, tăng ngành trồng trọt.

LIVEWORKSHEETS

Câu 76: Cho biểu đồ về giá trị xuất khẩu một số hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2010 - 2017:

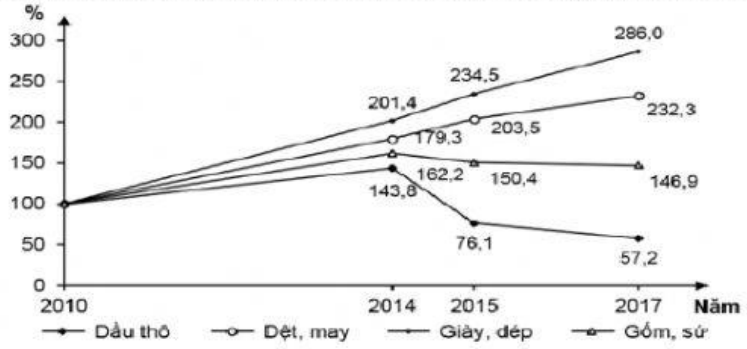

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Sự thay đổi giá trị xuất khẩu một số hàng hóa của nước ta.

B. Tỉ trọng giá trị xuất khẩu phân theo nhóm hàng hóa của nước ta.

C. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu một số hàng hóa của nước ta.

D. Sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất khẩu một số hàng hóa của nước ta.

Câu 77: Hoạt động viễn thông nước ta hiện nay

A.chỉ phục vụ cho cơ sở sản xuất.

B.phát triển đồng đều ở các vùng.

C.có sự phát triển nhanh vượt bậc.

D.có trình độ công nghệ chưa cao.

Câu 78: Các mặt hàng xuất khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do

A. thu hút đầu tư, tham gia các tổ chức quốc tế.

B.đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

C. kinh tế phát triển, mở rộng hội nhập quốc tế.

D. mở rộng sản xuất, mức sống ngày càng tăng.

Câu 79: Mùa mưa ở dải đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ chịu tác động chủ yếu của

A. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, bão, dải hội tụ và áp thấp nhiệt đới.

B. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, gió đông bắc, bão, áp thấp nhiệt đới.

C. dải hội tụ và áp thấp nhiệt đới, bão, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

D. áp thấp nhiệt đới và bão, gió mùa Tây Nam, gió Tây và gió mùa Đông Bắc.

Câu 80: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2018

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	**2010**	**2016**	**2018**
Xuất khẩu	72236,7	176580,8	243696,8
Nhập khẩu	84838,6	174803,8	237241,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê,2019)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô và cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta trong thời gian trên biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Miền. **B**. Kết hợp. **C**. Đường. **D**. Tròn.

---------- HẾT ----------

- Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

LIVEWORKSHEETS